

BIÊN BẢN
Hội đồng xét tốt nghiệp
lớp Trung cấp LLCT-HC A40 (hệ tập trung)

Vào hồi 14h00' ngày 15/6/2018, Hội đồng xét tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A40 họp xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên tại hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp LLCT-HC A40 (hệ tập trung).

Địa điểm: Phòng 201 - Nhà D - Trường Chính trị tỉnh Hà Giang

Thành phần: Theo Quyết định số 199/QĐ-TCT, ngày 04/6/2018 gồm 12 đồng chí, có mặt 8/12 đồng chí. Vắng 04 đồng chí (Trương Văn Thắng, Phạm Sỹ Hùng, Trịnh Sơn, Hoàng Tuệ) – có lý do.

Chủ tọa: Đ/c Hoàng Đức Thạch – Phó Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng;

Thư ký: Đ/c Trần Văn Đình - Trưởng phòng Đào tạo, thư ký Hội đồng.

Nội dung:

1. Đồng chí Trần Văn Đình - thư ký hội đồng báo cáo kết quả học tập của học viên tại hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A40 (hệ tập trung) và đề nghị Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 50 (Năm mươi) học viên tại hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A40. Trong đó: xếp loại giỏi 05 học viên; khá 24 học viên; xếp loại trung bình 21 học viên.

2. Căn cứ Quy chế đánh giá và quản lý kết quả học tập của học viên Trung cấp lý luận chính trị - hành chính của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ban hành kèm theo Quyết định số 1855/QĐ-HVCQG, ngày 21/4/2017 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh); Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học viên.

Hội đồng thảo luận và kết luận: Nhất trí và đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 50 (Năm mươi) học viên tại hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A40. Trong đó: xếp loại giỏi 05 học viên; khá 24 học viên; xếp loại trung bình 21 học viên (có danh sách kèm theo).

Biểu quyết nhất trí: 8/12 đồng chí = 66,67%.

3. Tổ chức thực hiện

- Phòng Đào tạo soạn thảo Quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính A40 (hệ tập trung) - trình Hiệu trưởng.

- Phòng Đào tạo phối hợp với phòng Tổ chức – hành chính – Quản trị chuẩn bị các điều kiện bế giảng và tổ chức bế giảng vào 8 giờ 30' ngày 28/5/2018.

Hội nghị kết thúc vào hồi 15h00' cùng ngày và Biên bản đã được thông qua./.

THƯ KÝ



Trần Văn Đỉnh

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các thành viên HĐXTN;
- Phòng Đào tạo;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỌA



Hoàng Đức Thạch

DANH SÁCH
Học viên được công nhận tốt nghiệp tại Hội đồng thi tốt nghiệp
lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính A40 (hệ tập trung)
(kèm theo Biên bản số: 47/BB-HĐXTN, ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm viết tiểu luận, thi tốt nghiệp	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
1	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	8,50	7,50	8,25	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,50	8,00	9,00	8,25	0,30	8,55	Giỏi	
2	Nguyễn Văn	Kiên	8,00	7,50	8,00	8,00	7,25	7,75	7,00	7,75	8,00	8,00	8,00	9,00	8,02	0,50	8,52	Giỏi	
3	Phạm Mã	Nguyên	7,50	7,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	7,00	8,00	8,00	7,80	0,30	8,10	Giỏi	
4	Nguyễn Thị Hoài	Thương	7,50	6,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	7,50	8,00	9,00	8,07		8,07	Khá	I.2<7
5	Lại Huyền	Trang	8,00	7,75	7,00	7,50	7,75	7,75	7,50	8,00	7,50	8,25	8,00	9,00	8,00		8,00	Giỏi	
6	Nguyễn Thị Kiều	Trang	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	7,50	8,25	8,00	7,00	8,00	8,50	8,00		8,00	Giỏi	
7	Triệu Tà	Pú	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	7,25	7,50	8,50	7,96		7,96	Khá	
8	Lèng Thị	Bích	8,00	7,25	8,00	8,00	7,25	7,50	7,50	8,00	7,25	7,00	7,50	9,00	7,88		7,88	Khá	
9	Bùi Phương	Thủy	8,00	7,50	7,25	8,00	7,25	7,75	7,50	8,00	7,50	6,50	8,00	8,50	7,77		7,77	Khá	
10	Hoàng Thị	Nương	8,00	6,50	8,00	7,50	7,50	7,00	6,50	8,00	8,00	7,50	7,00	9,00	7,75		7,75	Khá	
11	Trần Văn	Thanh	8,50	7,00	7,75	7,25	8,00	8,00	7,00	7,00	7,50	6,50	7,75	8,50	7,70		7,70	Khá	
12	Lục Thị	Yến	8,00	7,25	7,50	8,00	8,00	7,00	7,25	7,50	7,00	7,50	7,75	8,00	7,63		7,63	Khá	
13	Nguyễn Viết	Toàn	7,25	7,00	8,00	7,25	7,75	7,50	7,50	8,00	7,50	8,00	7,75	7,67	7,61		7,61	Khá	
14	Ấu Trường	Duy	8,00	6,50	8,00	7,25	8,00	8,25	6,25	7,00	7,00	8,00	8,00	8,00	7,59		7,59	Khá	
15	Chánh Văn	An	6,50	6,50	7,00	7,00	7,00	8,25	7,50	8,75	7,00	7,25	7,75	7,92	7,45		7,45	Khá	
16	Nguyễn Mạnh	Huân	7,50	7,25	7,25	7,50	7,00	8,00	7,75	7,00	7,25	7,50	7,25	7,67	7,45		7,45	Khá	
17	Chín Văn	Lợi	8,00	6,50	7,00	7,50	6,50	8,25	6,75	7,75	7,50	8,00	7,25	7,33	7,36		7,36	Khá	
18	Giảng Thị	Sung	7,00	7,00	7,00	7,25	7,75	7,75	8,00	6,50	7,75	7,00	8,00	7,25	7,34		7,34	Khá	
19	Phạm Văn	Tuân	8,00	6,50	7,00	7,50	7,50	7,00	7,75	8,00	7,00	7,25	7,00	7,17	7,29		7,29	Khá	
20	Chu Đình	Quý	8,00	6,50	7,25	7,00	8,00	7,50	7,00	7,50	7,50	7,00	7,00	7,25	7,29		7,29	Khá	
21	Ly Mí	Sính	7,00	6,25	7,00	7,00	7,75	8,00	6,75	7,25	7,50	8,00	7,00	7,50	7,29		7,29	Khá	
22	Hoàng Văn	Luật	7,50	6,00	7,00	8,00	6,50	7,75	7,00	8,00	8,00	7,50	7,00	7,17	7,27		7,27	Khá	
23	Sùng Hòa	Trinh	7,00	7,00	6,00	7,75	7,25	7,50	7,25	7,50	7,25	8,25	7,00	7,33	7,27		7,27	Khá	

Stt	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch NCTT	Điểm viết tiểu luận, thi tốt nghiệp	Trung bình	Điểm cộng BCS	Trung bình cộng	Xếp loại	Ghi chú
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3								
24	Phản Đào	Phấu	7,00	6,50	6,25	7,25	7,50	8,00	7,00	6,50	7,50	8,00	7,00	7,58	7,23		7,23	Khá	
25	Mạc Thị	Thoại	7,00	6,50	7,50	8,00	8,00	7,25	6,50	7,75	7,50	7,25	6,50	7,00	7,20		7,20	Khá	
26	Lý Thị	Thanh	6,25	6,25	7,25	6,50	6,75	7,50	6,50	7,50	8,00	8,00	7,50	7,33	7,14		7,14	Khá	
27	Thò Mí	Say	7,00	6,50	7,00	7,00	7,25	7,25	6,25	7,00	7,00	7,50	7,25	7,42	7,09		7,09	Khá	
28	Vàng Mí	Páo	8,00	7,50	7,00	7,50	6,25	6,75	6,50	6,50	6,50	7,00	7,50	7,17	7,04		7,04	Khá	
29	Hoàng Thị	Hường	8,00	6,75	6,00	6,25	7,00	6,25	7,50	7,75	7,50	7,00	6,75	7,25	7,04		7,04	Khá	
30	Lò Thị	Hiền	7,50	6,50	7,00	6,75	6,25	6,75	6,25	7,00	7,00	6,50	7,75	7,25	6,93		6,93	Trung bình	
31	Nông Thanh	Bình	7,50	5,50	7,50	7,50	6,50	7,25	6,50	7,00	7,00	8,00	7,00	6,58	6,93		6,93	Trung bình	
32	Nguyễn Thế	Hội	7,00	5,50	7,00	7,00	6,50	8,00	6,25	6,75	7,00	7,25	8,00	6,83	6,91		6,91	Trung bình	
33	Nguyễn Văn	Mem	7,00	6,50	7,75	7,00	6,00	6,75	7,50	7,00	7,25	6,50	7,00	6,83	6,91		6,91	Trung bình	
34	Lý Văn	Nhiêm	6,50	6,75	7,00	7,00	6,00	7,25	6,50	7,00	7,25	7,25	7,25	6,92	6,89		6,89	Trung bình	
35	Chảo Mí	Xay	7,50	6,50	6,00	7,00	6,00	7,00	6,50	6,75	7,00	8,00	7,25	7,00	6,89		6,89	Trung bình	
36	Mã Mí	Vàng	7,00	6,50	6,00	7,50	6,50	6,75	6,25	6,50	6,75	7,50	8,00	6,92	6,86		6,86	Trung bình	
37	Vừ Mí	Thò	7,00	7,25	6,00	6,50	6,50	7,75	6,50	7,00	7,25	6,25	7,50	6,58	6,80		6,80	Trung bình	
38	Lù Văn	Chính	8,00	6,75	5,50	6,75	6,75	6,00	6,25	7,00	7,50	6,50	7,00	7,00	6,79		6,79	Trung bình	
39	Chảng Mí	Giăng	7,00	6,50	7,00	6,75	6,00	5,75	6,25	6,75	7,00	7,00	7,00	7,25	6,77		6,77	Trung bình	
40	Hoàng Văn	Bồng	7,00	7,00	6,00	6,50	6,50	7,50	6,25	6,75	6,75	7,00	7,00	6,75	6,75		6,75	Trung bình	
41	Bế Mạnh	Chiến	7,50	7,00	6,00	5,75	6,50	6,50	6,25	6,50	6,50	7,25	7,75	6,83	6,71		6,71	Trung bình	
42	Sùng Mí	Chứ	8,00	6,75	5,50	6,50	6,25	6,50	6,25	6,50	6,00	7,00	8,25	6,83	6,71		6,71	Trung bình	
43	Cáo Seo	Thưởng	7,00	6,50	5,00	6,75	6,50	7,75	6,50	6,50	7,50	7,50	6,00	6,67	6,68		6,68	Trung bình	
44	Sùng Mí	Vư	7,00	6,50	6,25	6,50	7,00	5,75	6,25	6,25	7,00	6,50	8,00	6,75	6,66		6,66	Trung bình	
45	Nguyễn Văn	Tân	7,00	6,50	6,00	6,50	6,25	6,25	6,50	6,50	7,50	6,75	7,00	6,83	6,66		6,66	Trung bình	
46	Vù Thị	Hoa	7,00	6,50	6,00	6,50	6,00	7,00	6,00	6,50	6,50	7,00	7,50	6,75	6,63		6,63	Trung bình	
47	Lý Seo	Bằng	7,00	6,00	6,50	7,00	7,00	7,25	6,25	6,25	5,00	7,00	7,00	6,67	6,59		6,59	Trung bình	
48	Sùng Mí	Dinh	7,50	7,50	6,50	6,00	6,00	6,00	6,50	6,50	6,75	7,00	6,50	6,50	6,59		6,59	Trung bình	
49	Giăng Mí	Dinh	7,00	5,50	7,25	6,75	6,25	6,00	6,00	6,25	6,50	6,25	8,00	6,50	6,52		6,52	Trung bình	
50	Và Mí	Sinh	7,00	5,00	5,50	7,00	5,25	6,50	5,75	6,75	5,00	5,75	6,50	5,83	5,96		5,96	Trung bình	

Danh sách ấn định 50 học viên